

ĐỔI MỚI CƠ CHẾ QUẢN LÝ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ ĐẤT NƯỚC

*NGUYỄN KHÔI**

1. Vài nét về cơ chế quản lý khoa học và công nghệ hiện nay.

Cùng với quá trình đổi mới cơ chế kinh tế, trong những năm qua, cơ chế quản lý KH&CN từng bước được đổi mới và đạt được một số kết quả bước đầu.

Việc xây dựng và tổ chức thực hiện nhiệm vụ KH&CN được đổi mới theo hướng có trọng tâm, trọng điểm, bám sát hơn các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội. Các chương trình, đề tài nhà nước được bố trí tập trung hơn, khắc phục một bước tình trạng phân tán, dàn trải, cân đối hơn giữa khoa học tự nhiên và công nghệ với khoa học xã hội và nhân văn. Cơ chế tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo nguyên tắc cạnh tranh, dân chủ, bình đẳng và công khai bước đầu được áp dụng, góp phần nâng cao chất lượng thực hiện các nhiệm vụ KH&CN.

Cơ chế quản lý các tổ chức KH&CN đã từng bước được đổi mới theo hướng xã hội hoá và gắn kết với sản xuất, kinh doanh. Các tổ chức và cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế có quyền thành lập các tổ chức KH&CN. Phạm vi hoạt động của các tổ chức này được mở rộng từ nghiên cứu, đào tạo đến sản xuất và dịch vụ KH&CN. Đã xuất hiện nhiều tổ chức KH&CN ngoài nhà nước, nhiều cơ sở sản xuất trong các viện nghiên cứu, trường đại học, góp phần đưa nhanh kết quả nghiên cứu vào sản xuất.

Cơ chế, chính sách tài chính cho KH&CN đã được đổi mới theo hướng tăng

dẫn tỉ lệ chi cho KH&CN trong tổng chi ngân sách nhà nước và đa dạng hoá nguồn đầu tư phát triển KH&CN. Việc cấp kinh phí đến nhà khoa học đã được cải tiến một bước trên cơ sở tuyển chọn theo nguyên tắc cạnh tranh và giảm bớt các khâu trung gian không cần thiết. Quyền tự chủ về tài chính bước đầu được triển khai áp dụng đối với các tổ chức KH&CN công lập.

Cơ chế quản lý nhân lực được đổi mới theo hướng mở rộng hơn quyền chủ động cho cán bộ KH&CN trong việc kí kết hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, trong hoạt động kiêm nhiệm và hoạt động hợp tác quốc tế. Chế độ hợp đồng lao động đã được mở rộng hơn đối với các tổ chức KH&CN. Đã áp dụng một số hình thức tôn vinh, khen thưởng đối với cán bộ KH&CN.

Các thể chế hỗ trợ cho phát triển thị trường công nghệ đã bước đầu được hình thành. Các quy định pháp lý về hợp đồng KH&CN, hoạt động chuyển giao công nghệ, sở hữu trí tuệ đã được ban hành tạo điều kiện cho việc thương mại hoá các thành quả KH&CN. Chợ công nghệ - thiết bị đã được tổ chức ở nhiều địa phương và ở phạm vi quốc gia, hình thành kênh giao dịch thị trường thúc đẩy hoạt động mua bán thiết bị và các sản phẩm KH&CN.

Việc phân công, phân cấp trong QLNN về KH&CN đã được cải tiến một bước thông qua việc hoàn thiện tổ chức bộ máy, quy định chức năng, nhiệm vụ và trách

* Bộ Khoa học và Công nghệ.

nhệm của các bộ, cơ quan ngang bộ và UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Tuy nhiên, bên cạnh những tiến bộ nhất định, cơ chế quản lý KH&CN ở nước ta hiện nay vẫn còn chưa được đổi mới cơ bản, chưa phù hợp với đặc thù của hoạt động KH&CN trong xu thế toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế. Việc xác định và tổ chức thực hiện nhiệm vụ KH&CN chưa thực sự xuất phát từ các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội. Chưa phân định rõ quyền hạn, trách nhiệm của các cấp, các ngành trong việc xác định nhiệm vụ KH&CN. Tiêu chuẩn lựa chọn và việc lựa chọn chuyên gia tham gia các hội đồng tư vấn để xác định, tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN, đánh giá kết quả nghiên cứu còn bất cập. Công tác đánh giá kết quả nghiên cứu chưa tương hợp với chuẩn mực quốc tế.

Cơ chế quản lý các tổ chức KH&CN chưa phù hợp với đặc thù của lao động sáng tạo và cơ chế kinh tế thị trường. Thiếu quy hoạch các tổ chức KH&CN đáp ứng yêu cầu phát triển các ngành, lĩnh vực KH&CN trọng điểm và nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội. Các tổ chức KH&CN của Nhà nước chưa được thực hiện đầy đủ quyền tự chủ về kế hoạch, tài chính, nhân lực và hợp tác quốc tế để phát huy tính năng động, sáng tạo và gắn kết giữa nghiên cứu, đào tạo và sản xuất, kinh doanh. Chưa xây dựng được các tiêu chí cụ thể đánh giá chất lượng và hiệu quả của hoạt động KH&CN nói chung và các tổ chức KH&CN nói riêng.

Cơ chế, chính sách tài chính chưa tạo động lực và điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân hoạt động KH&CN, chưa tạo ra sự tự chủ cao đối với các tổ chức KH&CN. Đầu tư từ ngân sách nhà nước cho KH&CN còn dãn trải, thiếu tập trung cho các lĩnh vực, công trình trọng điểm. Thiếu biện pháp hữu hiệu để huy động các nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước cho KH&CN. Thiếu các nguồn vốn đầu tư mạo

hiểm để khuyến khích nghiên cứu, ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất, kinh doanh.

Cơ chế quản lý cán bộ KH&CN chưa tạo động lực để phát huy năng lực sáng tạo của cán bộ KH&CN. Chế độ tiền lương còn bất hợp lý, không khuyến khích cán bộ toàn tâm với sự nghiệp KH&CN. Chưa có các chính sách cụ thể khuyến khích mạnh lực lượng KH&CN ngoài nước tham gia đóng góp vào sự nghiệp phát triển đất nước.

Thị trường công nghệ còn nhỏ bé, chậm phát triển. Hoạt động mua, bán công nghệ và lưu thông các kết quả nghiên cứu còn rất hạn chế do thiếu nhiều tác nhân quan trọng, các yếu tố cấu thành thị trường và các quy định pháp lý cần thiết. Phần lớn các kết quả nghiên cứu còn dừng ở phạm vi phòng thí nghiệm, chưa tạo ra được nhiều công nghệ hoàn chỉnh có thể thương mại hoá. Chưa chú trọng việc mua sáng chế công nghệ của các nước tiên tiến để đổi mới công nghệ.

Quy định về quyền sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ chưa khuyến khích các tổ chức thực hiện nghiên cứu quan tâm khai thác, thương mại hóa các kết quả nghiên cứu được tạo ra bằng kinh phí từ ngân sách nhà nước. Hiệu lực thực thi pháp luật về sở hữu trí tuệ thấp. Năng lực của các tổ chức trung gian, môi giới công nghệ còn yếu, chưa thật sự đáp ứng vai trò cầu nối giữa cung và cầu.

QLNN về KH&CN chưa đổi mới kịp với yêu cầu chuyển sang kinh tế thị trường. Thiếu cơ chế cụ thể để điều phối hoạt động QLNN về KH&CN. Hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật về QLNN đối với hoạt động KH&CN chưa cụ thể, thiếu đồng bộ, lạc hậu so với thực tiễn, nhiều quy định không khả thi...

Những hạn chế trên do nhiều nguyên nhân; trong đó, có các nguyên nhân chủ yếu như quan điểm KH&CN là nền tảng và động lực phát triển đất nước đã được khẳng

định trong các nghị quyết của Đảng, nhưng chưa được quán triệt đầy đủ để chuyển thành hành động thực tế của các cấp chính quyền, các bộ, ngành, địa phương trong xây dựng và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội. Nhiều chủ trương, chính sách của Đảng và Chính phủ về phát triển KH&CN chậm được thể chế hoá bằng các văn bản quy phạm pháp luật đáp ứng nhu cầu đổi mới trong thực tiễn; lãnh đạo các cấp thiếu kiên trì, kiên quyết trong tổ chức và chỉ đạo thực hiện đổi mới quản lý KH&CN.

- Chậm đổi mới tư duy, phương pháp quản lý KH&CN trong điều kiện chuyển sang kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế. Chưa làm rõ trách nhiệm của Nhà nước về đầu tư phát triển đối với một số hoạt động KH&CN như nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu mang tính công ích, nghiên cứu chiến lược, chính sách phát triển...; chưa có cơ chế, chính sách phù hợp đối với các hoạt động KH&CN cần và có thể vận dụng cơ chế thị trường như hoạt động nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ, dịch vụ KH&CN.

Chưa tách biệt quản lý hành chính nhà nước với hoạt động sự nghiệp dẫn đến tình trạng các cơ quan QLNN trực tiếp thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ. Thiếu cơ chế hữu hiệu về thanh tra, kiểm tra và quy định trách nhiệm rõ ràng trong hoạt động KH&CN.

- Cơ chế quản lý kinh tế hiện nay còn duy trì sự bao cấp gián tiếp của Nhà nước thông qua các ưu đãi, độc quyền trong nhiều lĩnh vực, khiến các doanh nghiệp nhà nước ít quan tâm đến nghiên cứu, ứng dụng và đổi mới công nghệ để nâng cao năng lực cạnh tranh. Năng lực KH&CN của doanh nghiệp còn bất cập, thiếu đội ngũ cán bộ KH&CN trong các doanh nghiệp làm cầu nối cho ứng dụng các kết quả nghiên cứu vào sản xuất. Hệ thống tài chính, tiền tệ kém phát triển cũng không tạo điều kiện cho doanh nghiệp tự huy động được nguồn vốn để đầu tư cho KH&CN.

2. Một số giải pháp đổi mới cơ chế quản lý khoa học và công nghệ trong thời gian tới.

Một là, tiếp tục hoàn thiện cơ chế xây dựng và tổ chức thực hiện nhiệm vụ KH&CN, xuất phát từ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, của các ngành, địa phương ở mỗi thời kì. Phân công, phân cấp rõ ràng trong xây dựng và tổ chức thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo hướng: các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ quyết định nhiệm vụ KH&CN phục vụ trực tiếp mục tiêu phát triển của mình, không trùng lặp với nhiệm vụ KH&CN cấp nhà nước. UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định nhiệm vụ KH&CN chủ yếu mang tính ứng dụng, phục vụ trực tiếp mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Các tổ chức KH&CN, các doanh nghiệp, tổ chức xã hội thuộc mọi thành phần kinh tế tham gia xây dựng và thực hiện nhiệm vụ KH&CN của Nhà nước, tự chủ trong việc xác định nhiệm vụ KH&CN của tổ chức mình. Đồng thời, tăng cường sự điều phối của Chính phủ trong việc xây dựng và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ KH&CN để tránh sự chồng chéo và trùng lặp.

Tiếp tục hoàn thiện cơ chế xây dựng và tổ chức thực hiện nhiệm vụ KH&CN của Nhà nước. Xác định rõ các nhiệm vụ KH&CN ưu tiên ở các cấp. Cơ quan QLNN về KH&CN các cấp tổ chức việc trao đổi giữa các viện, trường, doanh nghiệp và cơ quan hoạch định chính sách để xác định các nhiệm vụ ưu tiên. Đối với các nhiệm vụ KH&CN mang tính ứng dụng, xuất phát từ nhu cầu nâng cao chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của các sản phẩm, thực hiện cơ chế liên kết giữa tổ chức KH&CN với cơ sở áp dụng kết quả nghiên cứu trong toàn bộ quá trình từ xác định nhiệm vụ, tổ chức thực hiện, đánh giá và đưa kết quả nghiên cứu vào thực tiễn.

Áp dụng rộng rãi phương thức tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo cơ chế cạnh tranh, công

khai, dân chủ. Việc giao trực tiếp cho tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN phải được thực hiện công khai dựa trên các tiêu chí lựa chọn rõ ràng. Đối mới căn bản công tác đánh giá hoạt động KH&CN dựa trên những tiêu chuẩn cụ thể, phù hợp với từng loại hình nghiên cứu: đối với nghiên cứu cơ bản phải đánh giá bằng chất lượng khoa học phù hợp với chuẩn mực quốc tế; đối với nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ phải lấy hiệu quả kinh tế - xã hội của việc ứng dụng trong thực tiễn làm tiêu chuẩn chủ yếu. Hoàn thiện các quy định về thành lập và hoạt động của các hội đồng tư vấn xác định, tuyển chọn và đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN, bảo đảm tính độc lập và khách quan của hội đồng. Xây dựng cơ sở dữ liệu về chuyên gia đánh giá, tiêu chuẩn thành viên và cơ cấu hội đồng phù hợp với từng loại hình nghiên cứu. Đưa nhanh các kết quả nghiên cứu KH&CN áp dụng vào thực tiễn sản xuất và đời sống.

Hai là, đổi mới cơ chế quản lý và hoạt động của các tổ chức KH&CN nhằm tạo điều kiện thuận lợi phát huy tối đa tính chủ động, sáng tạo và nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ chức, cá nhân hoạt động KH&CN; xây dựng một số tổ chức KH&CN của Nhà nước đạt trình độ tiên tiến trong khu vực thuộc các lĩnh vực trọng điểm được xác định trong Chiến lược phát triển KH&CN đến năm 2010; tăng cường mối liên kết giữa nghiên cứu - đào tạo - sản xuất.

Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các tổ chức KH&CN của Nhà nước hoạt động nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu chiến lược và chính sách, nghiên cứu các lĩnh vực KH&CN trọng điểm và một số lĩnh vực khác do Nhà nước quy định. Theo đó, các tổ chức được quyền tự chủ về hoạt động KH&CN; tự chủ về tài chính; tự chủ về quản lý nhân sự và tự chủ về quan hệ hợp tác quốc tế. Chuyển các tổ chức nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ có sản phẩm gắn với thị trường

sang hoạt động theo cơ chế doanh nghiệp với một trong các hình thức sau: doanh nghiệp KH&CN; doanh nghiệp; tổ chức KH&CN tự trang trải kinh phí.

Đẩy mạnh việc hình thành và phát triển doanh nghiệp KH&CN cao. Nhà nước khuyến khích các tổ chức KH&CN, tập thể và cá nhân nhà khoa học thành lập, liên doanh với doanh nghiệp thành lập doanh nghiệp KH&CN cao thông qua các chính sách ưu đãi về thuế, tín dụng, thành lập quỹ đầu tư mạo hiểm, đầu tư hạ tầng cơ sở. Doanh nghiệp KH&CN cao được áp dụng các ưu đãi như đối với các doanh nghiệp công nghệ cao tại khu công nghệ cao theo quy định của pháp luật.

Thực hiện đánh giá định kì đối với các tổ chức KH&CN sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước theo các tiêu chuẩn phù hợp với chuẩn mực quốc tế để nâng cao hiệu quả sử dụng kinh phí đầu tư. Ngoài ra, nghiên cứu hình thành loại hình tổ chức đánh giá KH&CN độc lập có chức năng nghiên cứu phương pháp và tổ chức thực hiện việc đánh giá hoạt động KH&CN, đánh giá các tổ chức KH&CN, phục vụ yêu cầu nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động và quản lý KH&CN và bảo đảm tính khách quan trong việc đánh giá. Phát huy chức năng và nâng cao hiệu quả nghiên cứu KH&CN của các trường đại học.

Ba là, đổi mới cơ chế, chính sách đầu tư tài chính cho hoạt động KH&CN, tăng nguồn tài chính ngoài ngân sách nhà nước cho phát triển KH&CN; nâng cao hiệu quả đầu tư của Nhà nước cho KH&CN; tạo động lực cho tổ chức và cá nhân hoạt động KH&CN. Đa dạng hoá nguồn vốn đầu tư cho KH&CN. Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư cho đổi mới công nghệ, đổi mới sản phẩm nâng cao năng lực cạnh tranh; khuyến khích doanh nghiệp thành lập Quỹ phát triển KH&CN để thực hiện nghiên cứu, ứng dụng kết quả nghiên cứu phục vụ đổi mới công nghệ và sản phẩm; khuyến khích thành lập các loại quỹ phát triển KH&CN; tăng cường khai thác các nguồn

vốn từ hợp tác quốc tế cho phát triển KH&CN, ưu tiên nguồn vốn ODA đầu tư phát triển tiềm lực KH&CN, đặc biệt trong các lĩnh vực KH&CN trọng điểm quốc gia, như các tổ chức nghiên cứu và phát triển trọng điểm, các phòng thí nghiệm trọng điểm...

Đổi mới chính sách đầu tư và cơ chế phân bổ ngân sách nhà nước cho hoạt động KH&CN, tập trung đầu tư vào các lĩnh vực nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu chiến lược, chính sách và những lĩnh vực công ích do Nhà nước quy định. Khuyến khích mọi thành phần kinh tế, đặc biệt là khu vực doanh nghiệp tăng đầu tư vào các lĩnh vực nghiên cứu, phát triển và đổi mới công nghệ. Nhà nước tập trung đầu tư đồng bộ giữa hạ tầng cơ sở, trang thiết bị với đào tạo cán bộ KH&CN, đổi mới việc xây dựng một số tổ chức nghiên cứu và phát triển đạt trình độ hiện đại, tiên tiến; đồng thời áp dụng chế độ ưu đãi đặc biệt (về nhà ở, điều kiện làm việc, chế độ thu nhập, xuất nhập cảnh thuận lợi...) để thu hút chuyên gia giỏi trong nước và nước ngoài tới làm việc tại các tổ chức này.

Áp dụng cơ chế khoán đối với đề tài, dự án KH&CN trong một số lĩnh vực KH&CN trên cơ sở thẩm định kỹ về nội dung, sản phẩm nghiên cứu và dự toán kinh phí thực hiện. Việc thanh, quyết toán kinh phí thực hiện đề tài, dự án KH&CN phải căn cứ vào kết quả đánh giá chất lượng sản phẩm nghiên cứu là chủ yếu; bãi bỏ các thủ tục thanh, quyết toán không còn phù hợp trong thực hiện nhiệm vụ KH&CN. Quy định về việc trích lập Quỹ khen thưởng từ kinh phí sự nghiệp KH&CN để khen thưởng thỏa đáng đối với tổ chức, cá nhân có kết quả nghiên cứu được ứng dụng rộng rãi và mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội cao. Đồng thời, Nhà nước dành một khoản kinh phí hỗ trợ đăng ký bằng sáng chế, giải pháp hữu ích của người Việt Nam; kinh phí để mua sáng chế công nghệ từ các nước phát triển. Tăng đầu tư cho hoạt động KH&CN để phát triển kinh tế - xã hội ở miền núi,

vùng sâu, vùng xa và các vùng có điều kiện đặc biệt khó khăn.

Bốn là, đổi mới cơ chế quản lý nhân lực KH&CN, phát huy tối đa tiềm năng sáng tạo của đội ngũ cán bộ KH&CN; tạo động lực vật chất và tinh thần, thực hiện chế độ thù lao, đãi ngộ theo mức độ cống hiến và các chính sách khuyến khích khác đối với cán bộ KH&CN. Tăng quyền tự chủ về quản lý nhân lực của các tổ chức KH&CN, theo đó, tăng cường quyền hạn và trách nhiệm của người đứng đầu các tổ chức KH&CN trong quản lý nhân lực KH&CN: quyền tuyển dụng, đào tạo, bố trí sử dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm, thôi việc, xếp lương, đãi ngộ đối với cán bộ, viên chức. Thực hiện cơ chế giám sát việc thực thi quyền và trách nhiệm của người đứng đầu tổ chức KH&CN.

Xây dựng cơ chế, chính sách tạo động lực cho cán bộ KH&CN. Ban hành chính sách trọng dụng cán bộ KH&CN tài năng; sử dụng cán bộ KH&CN giỏi; khuyến khích và thu hút người Việt Nam định cư ở nước ngoài tham gia phát triển KH&CN của đất nước. Áp dụng mức thu nhập đặc biệt đối với cán bộ chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN có tầm quan trọng đặc biệt trong các lĩnh vực quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế - xã hội. Cán bộ KH&CN có trình độ, năng lực chuyên môn ngang bằng chuyên gia nước ngoài, cùng vị trí công tác trong các dự án hợp tác, được hưởng mức thu nhập tương đương với mức thu nhập bình quân do các tổ chức quốc tế, nước ngoài trả cho người Việt Nam. Ban hành tiêu chuẩn và quy chế bổ nhiệm chức vụ KH&CN đối với cán bộ KH&CN và điều chỉnh chế độ lương phù hợp với chức vụ KH&CN. Ban hành tiêu chuẩn và chế độ đánh giá định kỳ đối với cán bộ KH&CN. Thực hiện nâng lương trước thời hạn đối với cán bộ khoa học hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, có thành tích trong nghiên cứu và ứng dụng KH&CN.

Tăng cường đào tạo và đào tạo lại nhân

lực KH&CN. Dành một khoản kinh phí thích đáng để đào tạo, bồi dưỡng nhân tài, cán bộ KH&CN trình độ cao, kĩ thuật viên lành nghề phục vụ cho các ngành kinh tế trọng điểm và các lĩnh vực công nghệ cao, đáp ứng nhu cầu CNH, HĐH đất nước và thu hút đầu tư nước ngoài; định kì đào tạo lại cho cán bộ KH&CN để cập nhật kiến thức và kĩ năng mới. Đẩy mạnh đào tạo cán bộ KH&CN tại các cơ sở đào tạo nước ngoài có trình độ KH&CN tiên tiến; có cơ chế, chính sách sử dụng có hiệu quả cán bộ KH&CN sau khi đào tạo. Tạo điều kiện thuận lợi khuyến khích mở các trường đại học, viện nghiên cứu quốc tế hoặc khu vực tại Việt Nam. Thu hút các viện nghiên cứu, trường đại học có uy tín của nước ngoài liên kết hoặc mở phân viện, phân hiệu hoặc tổ chức các chương trình đào tạo nhân lực KH&CN tại Việt Nam. Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia trực tiếp vào quá trình đào tạo nhân lực KH&CN, nhất là khu vực kinh tế tư nhân và khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

Năm là, phát triển thị trường công nghệ. Gắn đổi mới cơ chế, chính sách kinh tế, xã hội với thúc đẩy tiến bộ KH&CN và ứng dụng thành tựu KH&CN vào sản xuất và đời sống. Xây dựng chương trình liên kết giữa KH&CN với đào tạo và sản xuất, kinh doanh để hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực quản lý, hiện đại hoá, đổi mới công nghệ, nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập kinh tế quốc tế. Thực hiện việc lấy ý kiến phản biện của các nhà khoa học đối với chủ trương, chính sách, các dự án đầu tư, chương trình phát triển kinh tế, xã hội. Xây dựng cơ chế lồng ghép các nhiệm vụ KH&CN với các dự án đầu tư, chương trình phát triển kinh tế - xã hội.

Nâng cao chất lượng và khả năng thương mại hoá của các sản phẩm KH&CN. Dành tỉ lệ thích đáng kinh phí từ ngân sách nhà nước cho việc hỗ trợ hoàn thiện sản phẩm nghiên cứu có khả năng thương mại hoá. Xây dựng cơ chế đánh giá

sau nghiệm thu và cơ chế hỗ trợ kinh phí để hoàn thiện và thương mại hóa các sản phẩm nghiên cứu. Hình thành các tổ chức tư vấn, giám định về chất lượng và giá cả của công nghệ trước khi chuyển giao hoặc bán cho sản xuất công nghiệp.

Phát triển các tổ chức môi giới công nghệ, tư vấn chuyển giao công nghệ, các tổ chức cung cấp thông tin thị trường công nghệ; hình thành các tổ chức xúc tiến thị trường công nghệ; tổ chức các chợ công nghệ - thiết bị. Khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia kinh doanh các dịch vụ môi giới về thị trường công nghệ.

Hoàn thiện và nâng cao hiệu lực của pháp luật về sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ. Rà soát, bổ sung, sửa đổi và hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành liên quan tới sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ. Sớm ban hành các luật chuyên ngành về sở hữu trí tuệ và về chuyển giao công nghệ. Thử chế hoá việc các tổ chức và cá nhân hoạt động KH&CN góp vốn cho doanh nghiệp bằng bản quyền đối với kết quả nghiên cứu hoặc các hình thức sở hữu trí tuệ khác.

Tuyên truyền, phổ biến rộng rãi pháp luật về sở hữu trí tuệ cho các tổ chức, cá nhân hoạt động KH&CN và trong nhân dân. Quy định khung hình phạt có hiệu lực để ngăn chặn và xử lý nghiêm minh các hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.

Sáu là, hoàn thiện cơ chế hoạt động của bộ máy QLNN về KH&CN. Thực hiện cải cách hành chính trong cơ quan QLNN về KH&CN theo hướng tập trung vào nhiệm vụ QLNN, tách nhiệm vụ sự nghiệp ra khỏi cơ quan hành chính, tăng cường chức năng giám sát, kiểm tra. Đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, năng lực của đội ngũ nhân lực QLNN về KH&CN. Tăng cường sự điều phối của Chính phủ để tạo sự gắn kết các hoạt động KH&CN với các hoạt động kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh... □